

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3373 /UBND-NN

Quảng Trị, ngày 06 tháng 8 năm 2018

V/v triển khai thực hiện Nghị quyết  
về định mức hỗ trợ phát triển sản  
xuất, đa dạng hóa sinh kế

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

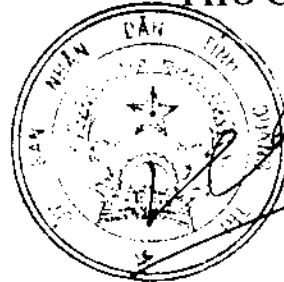
Thực hiện Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND tỉnh về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 (Sao gửi kèm), Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các ngành và địa phương liên quan triển khai thực hiện nội dung Nghị quyết theo đúng quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT UBND tỉnh;
- Chi cục PTNT;
- Lưu: VT, NN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hà Sỹ Đồng**

Số: 03/2018/NQ- HĐND

Quảng Trị, ngày 18 tháng 7 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 7**

*K206  
Đ117  
Npl*  
Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ - TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020; Quyết định số 48/2016/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT - BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT- BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2739/TTr - UBND ngày 29/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị thông qua Đề án "Định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020"; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa-Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Quy định định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG.

giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2020 (có quy định kèm theo).

**Điều 2.**

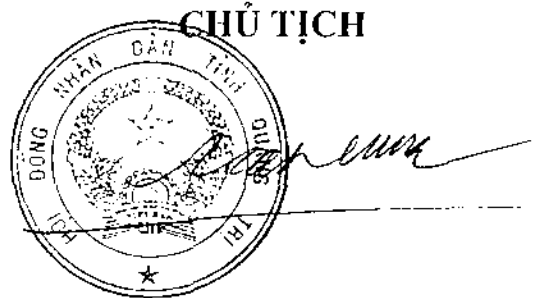
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị Khóa VII, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2018./.

**Nơi nhận:**

- UBTVQH;
- VPQH, VPCTN, VPCP;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, TAND, VKSND tỉnh;
- VPTU, VPHĐND, VPUBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND cấp huyện;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Trung tâm công báo;
- Lưu: VT, VHXH.



**Nguyễn Văn Hùng**

**QUY ĐỊNH**

**Định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2020**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 03 /2018/NQ - HĐND ngày 18/7/2018)*

**Chương I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020, gồm:

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo (tiểu dự án 3 Dự án 1).

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (tiểu dự án 2 Dự án 2).

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135 (Dự án 3).

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018- 2020, bao gồm:

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo); ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo được tham gia dự án theo quy định tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020.

b) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư theo quy định tại Điều 7, Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020 (sau đây gọi là Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/2/2017).

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc, điều kiện, phương thức hỗ trợ**

a) Nguyên tắc, điều kiện hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 1, Điều 7, Thông tư số 15/2017/TT- BTC ngày 15/2/2017.

b) Phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo Khoản 2, Điều 7, Thông tư số 15/2017/TT- BTC ngày 15/2/2017.

## Chương II: QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Mục I

## ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ CHO CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN THEO TỪNG TÍNH CHẤT DỰ ÁN, MÔ HÌNH

**Điều 3. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135**

### 1. Đối tượng hỗ trợ

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

b) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan.

### 2. Mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ và mức chi chuyên môn của dự án

a) Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp (Các dự án trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản).

- Mức hỗ trợ:

Hộ nghèo: Không quá 15 triệu đồng/hộ.

Hộ cận nghèo: Hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo và tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ.

Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo và tối đa không quá 7,5 triệu đồng/hộ.

- Mức chi:

Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và vật tư thiết yếu ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo, huyện đảo.

Hỗ trợ tối đa không quá 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang.

Hỗ trợ tối đa không quá 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng.

- Nội dung hỗ trợ:

Đối với dự án trồng trọt: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, nông cụ sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

Đối với dự án chăn nuôi: Hỗ trợ giống, chuồng trại, thức ăn chăn nuôi, vắc xin tiêm phòng, máy móc, công cụ sản xuất.

Đối với dự án lâm nghiệp: Hỗ trợ lần đầu giống cây lâm nghiệp theo quy trình trồng rừng sản xuất, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón.

Đối với dự án ngư nghiệp (khai thác): Hỗ trợ hàm bảo quản cho nhóm hộ đối với các hộ mới thoát nghèo có khả năng đánh bắt xa bờ, hỗ trợ ngư lưới cụ đối với các hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Đối với dự án nuôi trồng thủy sản: Hỗ trợ giống, thức ăn, vắc xin, cải tạo diện tích nuôi trồng thủy sản, ngư cụ đánh bắt.

b) Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ.

- Định mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/hộ nghèo, đối với hộ cận nghèo được hỗ trợ bằng 80% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo và tối đa không quá 12 triệu đồng/hộ; đối với hộ mới thoát nghèo được hỗ trợ bằng 50% mức hỗ trợ đối với hộ nghèo và tối đa không quá 7,5 triệu đồng/hộ.

- Nội dung hỗ trợ: Nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm phù hợp với điều kiện và phát triển kinh tế xã hội của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Dự án hỗ trợ tạo đất sản xuất: Thực hiện theo khoản 3 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính.

d) Dự án hỗ trợ khoán chăm sóc, bảo vệ rừng đối với huyện nghèo và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang: Thực hiện theo khoản 4 Điều 10 Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính.

**Điều 4. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135**

#### **1. Đối tượng hỗ trợ**

a) Là các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tại các xã ngoài chương trình 30a và chương trình 135. Ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người lao động là người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về,..thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

b) Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn.

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan.

#### **2. Mức hỗ trợ, nội dung hỗ trợ và mức chi chuyên môn của dự án**

Theo quy định tại **điểm a khoản 2 Điều 3** “Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp” và **điểm b khoản 2 Điều 3** “Dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ” của dự án “Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc chương trình 135” của quy định này.

### **Mục 2**

#### **CHI XÂY DỰNG, QUẢN LÝ DỰ ÁN VÀ CHI KHÁC**

**Điều 5.** Chi xây dựng và quản lý dự án: Chi xây dựng và quản lý dự án không quá 5% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án, Nội dung và mức chi cụ thể thực hiện theo khoản 2, Điều 9 của Thông tư số 15/2017/TT- BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016- 2020.

**Điều 6.** Ngoài mức chi chuyên môn theo từng tính chất, dự án, mô hình theo quy định này, các nội dung chi khác (*tập huấn, phổ biến kiến thức, chi hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án, chi tổ chức đi thực tế học tập dự án*) áp dụng điểm d, điểm đ, điểm e, khoản 1 Điều 8 Thông tư số 15/2017/TT- BTC ngày 15/02/2017 của Bộ Tài chính.

### **Chương III: NGUỒN KINH PHÍ**

#### **Điều 7. Kinh phí thực hiện**

1. Từ nguồn Ngân sách nhà nước giao thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018- 2020
2. Từ nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức và các nguồn tài chính hợp pháp khác./.

 **CHỦ TỊCH**  
  
\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Văn Hùng**